

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 22.11.2022

SỞ HÀNH XẤU HƠN KẼ XẤU
Kinh Không Gây Hại (Nadubbhiyasuttam)
CHƯƠNG XI. TƯƠNG ƯNG SAKKA, PHẨM THỨ NHẤT (S. i, 225)

Đã là a tu la vương và có tâm muốn tấn công thiên chủ thì có thể gọi là người xấu. Thế mà khi nói về những cái xấu tệ hại hơn cái xấu của chính mình thì a tu la vương, vốn là vị thiên có kiến văn, đã nêu lên bốn điều: vì ác tâm bóp méo sự thật, huỷ báng thánh nhân, phản bội bạn hiền, vong ân bội nghĩa. Phải “xấu hơn cái xấu” mới làm những điều như vậy. Sở giải cũng nói bốn hành vi này là “bốn căn bệnh của thời đại” chỉ có trong kiếp trái đất này. Xem ra giữa thế giới nhân thiên có những ác pháp mà dù ở đâu, thời nào cũng đáng sợ. Câu chuyện giống như có những cái dơ mà người vốn ở dơ vẫn thấy gớm ghiếc.



Kinh Văn

Sāvattiyam. “Bhūtapubbam, bhikkhave, sakkassa devānamindassa rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitakko udapādi – ‘yopi me assa supaccatthiko tassapāhaṃ na dubbheyya’nti. Atha kho, bhikkhave, vepacitti asurindo sakkassa devānamindassa cetasā cetoparivitakkamaññāya yena sakko devānamindo tenupasaṅkami. Addasā kho, bhikkhave, sakko devānamindo vepacittim asurindaṃ dūratova āgacchantam. Disvāna vepacittim asurindaṃ etadavoca – ‘tiṭṭha, vepacitti, gahitosī’ti.

“Yadeva te, mārisa, pubbe cittaṃ, tadeva tvaṃ mā pajahāsī’ti.

“Sapassu ca me, vepacitti, adubbhāyā’ti.

Tại Sāvatthi.

Này chư Tỳ khưu, thuở xưa Thiên chủ Sakka trong lúc độc cư an tịnh khởi lên suy nghĩ như sau: Đối với bất cứ ai dù là kẻ thâm thù với ta, ta cũng không nên gây tổn

hại. Nay chư Tỳ khuru, bấy giờ a tu la vương Vepacitti với tâm của mình biết được tâm của Thiên chủ liền tiến gần đến Thiên chủ Sakka.

Trông thấy Vepacitti từ xa Thiên chủ Sakka thốt lên:

“Hãy dừng lại Vepacitti, ông đã bị bắt”.

"Thưa Ngài, đừng nên từ bỏ những ý nghĩ vừa khởi lên trong tâm”

"Này Vepacitti, hãy thề là không gây tổn hại cho ta”

(Vepacitti):

**“Yaṃ musā bhaṇato pāpaṃ, yaṃ pāpaṃ ariyūpavādino;
Mittadduno ca yaṃ pāpaṃ, yaṃ pāpaṃ akatañño;
Tameva pāpaṃ phusatu, yo te dubbhe sujampatī”ti.**

“Xấu ác do vọng ngữ
Xấu ác do huỷ báng
Đối với các bậc thánh
Xấu ác do phản bạn
Xấu ác do vong ân
Ai gây hại cho Ngài
Bị xấu ác như vậy
Hỡi Chồng của Sujā.



Thích Văn

“Yaṃ musā bhaṇato pāpaṃ = xấu ác do nói dối
yaṃ pāpaṃ ariyūpavādino = xấu ác do huỷ báng thánh nhân
Mittadduno ca yaṃ pāpaṃ = xấu ác do phản bạn
yaṃ pāpaṃ akatañño = xấu ác do vong ân bội nghĩa
Tameva pāpaṃ phusatu yo te dubbhe sujampatī”ti = ai gây hại cho chồng của Sujā bị ác xấu như vậy.



Thích nghĩa

Theo Sớ giải khi Thiên chủ Sakka thốt lời ‘tiṭṭha, vepacitti, gahitosī – hãy dừng lại hỡi Vepacitti, ông đã bị bắt’ thời lập tức Vepacitti bị “khôn tiên thằng” trói cổ và tít chi. (câu này sau này trở thành thần chú được nhiều người gia trì nhưng ít khi hiểu nghĩa).

Theo Sớ giải câu thề của a tu la vương liên quan tới bốn điều đại ác (mahāpāpāni) xảy ra trong kiếp trái đất này: một là nói sai sự thật vì ác tâm như ghi trong kinh Bốn sanh Cetiya (chuyện tiền thân số 422); hai là huỷ báng thánh nhân như chuyện Kokālika; ba là phản bạn như trong kinh Bốn sanh Mahākapi (chuyện tiền thân số 516); bốn là vong ơn bội nghĩa như các câu chuyện về Devadatta (Đề bà đạt đa). Đây là bốn hành vi khiến một người trở thành xấu ác hơn những phiên nào bất thiện sanh khởi hằng ngày.

A tu la vương gọi Thiên chủ Đế Thích là Sujampati (chồng của Sujā) là cách gọi dùng ân tình để thương lượng vì Sujā là con gái của a tu la vương. Theo vai vế mà nói thì Thiên chủ là rể đông sàng của a tu la vương.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

7. Nadubbhiyasuttaṃ [Mūla]

253. Sāvattṭhiyaṃ. “Bhūtapubbaṃ, bhikkhave, sakkassa devānamindassa rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitakko udapādi – ‘yopi me assa supaccatthiko tassapāhaṃ na dubbheyya’nti. Atha kho, bhikkhave, vepacitti asurindo sakkassa devānamindassa cetasā cetoparivitakkamaññāya yena sakko devānamindo tenupasaṅkami. Addasā kho, bhikkhave, sakko devānamindo vepacittim asurindaṃ dūratova āgacchantaṃ. Disvāna vepacittim asurindaṃ etadavoca – ‘tiṭṭha, vepacitti, gahitosī’”ti.

“Yadeva te, mārisa, pubbe cittaṃ, tadeva tvaṃ mā pajahāsī”ti [tadeva tvaṃ mārisa pahāsīti (sī. syā. kaṃ.)].

“Sapassu ca me, vepacitti, adubbhāyā”ti [adrubbhāya (ka.)].

“Yaṃ musā bhaṇato pāpaṃ, yaṃ pāpaṃ ariyūpavādino;
Mittadduno ca yaṃ pāpaṃ, yaṃ pāpaṃ akatañño;
Tameva pāpaṃ phusatu [phusati (sī. pī.)], yo te dubbhe sujampatī”ti.

7. Nadubbhiyasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

253. Sattame **upasaṅkamīti** “ayaṃ sakko ‘yopi me assa supaccatthiko, tassa pāhaṃ na dubbheyya’nti cinteti, mayā tassa paccatthikataro nāma natthi, vīmaṃsissāmi tāva naṃ, kiṃ nu kho maṃ passitvā dubbhati, na dubbhatī”ti cintetvā upasaṅkami. **Tiṭṭha vepacitti gahitosīti** vepacitti, ettheva tiṭṭha, gahito tvaṃ mayāti vadati. Saha vacanenevassa so kaṅṭhapañcamehi bandhanehi baddhova ahosi. **Sapassu ca meti** mayi adubbhatthāya sapathaṃ karohīti vadati. **Yaṃ musābhaṇato pāpanti** imasmim kappe paṭhamakappikesu cetiyarañño pāpaṃ sandhāyāha. Ariyūpavādinoti kokalikassa viya pāpaṃ. **Mittadduno ca yaṃ pāpanti mahākapijātake** mahāsatte duṭṭhacittassa pāpaṃ. **Akataññunoti** devadattasadisassa akatañño pāpaṃ. Imāni kira imasmim kappe cattāri mahāpāpāni. Sattamaṃ.